**ĐỀ THI THỬ VÀO 10**

**MÔN HÓA HỌC - THỜI GIAN LÀM BÀI 45’**

**Em hãy chọn đáp án đúng nhất trong các câu sau đây.**

**Câu 1**. Oxit là

A. Hỗn hợp của nguyên tố oxi với một nguyên tố hoá học khác.

B. Hợp chất của nguyên tố phi kim với một nguyên tố hoá học khác.

C. Hợp chất của oxi với một nguyên tố hoá học khác.

D. Hợp chất của nguyên tố kim loại với một nguyên tố hoá học khác.

**Câu 2.** Oxit  được dùng làm chất hút ẩm ( chất làm khô ) trong phòng thí nghiệm là:

               A. CuO                       B. ZnO                        C. PbO                       D. CaO

**Câu 3.** Muốn pha loãng axit sunfuric đặc ta phải:

A. Rót nước vào axit đặc.                           B. Rót từ từ nước vào axit đặc.

C. Rót nhanh axit đặc vào nước.             D. Rót từ từ axit đặc vào nước.

**Câu 4.**Trong tự nhiên muối natri clorua có nhiều trong:

A. Nước biển. B. Nước mưa.

C. Nước sông. D. Nước giếng

**Câu 5.** Hoá trị của cacbon, oxi, hiđro trong hợp chất hữu cơ lần lượt là

A. IV, II, II. B. IV, III, I. C. II, IV, I. D. IV, II, I.

**Câu 6.** Khí etilen **không** có tính chất hóa học nào sau đây ?

A. Phản ứng cháy với khí oxi. B. Phản ứng trùng hợp.

C. Phản ứng cộng với dung dịch brom. D. Phản ứng thế với clo ngoài ánh sáng.

**Câu 7.** Các kim loại tác dụng được với dung dịch Cu(NO3)2 tạo thành kim loại đồng:

A. Al, Zn, Fe                          B. Mg, Fe, Ag

C. Zn, Pb, Au                        D. Na, Mg, Al

**Câu 8.** Nhôm phản ứng được với :

1. Khí clo, dung dịch kiềm, axit, khí oxi.
2. Khí clo, axit, oxit bazo, khí hidro.
3. Oxit bazơ, axit, hiđro, dung dịch kiềm
4. Khí clo, axit, oxi, hiđro, dung dịch magiesunfat

**Câu 9.** Dãy chất tác dụng với axit axetic là

A. CuO; Cu(OH)2; Cu; CuSO4 ; C2H5OH.

B. CuO; Cu(OH)2; Zn ; Na2CO3 ; C2H5OH.

C. CuO; Cu(OH)2; Zn ; H2SO4; C2H5OH.

D. CuO; Cu(OH)2; C2H5OH; C6H6; CaCO3

**Câu 10.** Cho sơ đồ sau:

C6H12O6  X + Y

X + O2  Z + H2O

Z + T  (CH3COO)2Ca + H2O + Y

X, Y , Z , T lần lượt là

A. C2H5OH , CH3COOH , CaO , CO2. B. CaO , CO2 , C2H5OH , CH3COOH.

C. C2H5OH , CO2 , CH3COOH , CaCO3. D. CH3COOH , C2H5OH , CaCO3 , CO2.

**Câu 11.** Thí nghiệm nào sau đây có hiện tượng sinh ra kết tủa trắng và bọt khí thoát ra khỏi dung dịch ?

A. Nhỏ từng giọt dung dịch NaOH vào ống nghiệm đựng dung dịch CuCl2.

B. Nhỏ từ từ dung dịch H2SO4 vào ống nghiệm có sẵn một mẫu BaCO3.

C. Nhỏ từ từ dung dịch BaCl2 vào ống nghiệm đựng dung dịch AgNO3.

D. Nhỏ từ từ dung dịch HCl vào ống nghiệm đựng dung dịch Na2CO3.

**Câu 12**. Nhỏ vài giọt dd bạc nitrat vào ống nghiệm đựng dd amoniac, lắc nhẹ. Thêm tiếp dung dịch glucozo vào, sau đó đặt ống nghiệm vào cốc nước nóng. Hiện tượng quan sát được là:

1. Không có hiện tượng
2. Có kết tủa trắng.
3. Có lớp kim loại sáng bạc bám trên thành ống nghiệm
4. Có lớp kim loại màu đỏ bám trên thành ống nghiệm

**Câu 13.** Chất nào sau đây góp phần nhiều nhất vào sự hình thành mưa axit ?

A . CO                       B. SO2                        C. N2                        D. O3

**Câu 14.** Muốn điều chế 20 ml rượu etylic 600 số ml rượu etylic và số ml nước cần dùng là

A. 10 ml rượu etylic và 10 ml nước. B. 12 ml rượu etylic và 8 ml nước

C. 14 ml rượu etylic và 6 ml nước. D. 8 ml rượu etylic và 12 ml nước.

**Câu 15.**Có 4 ống nghiệm đựng các dung dịch: Ba(OH)2, KOH, HCl, Na2SO4. Dùng thêm hóa chất nào sau đây để nhận biết được chúng ?

A.  Quỳ tím          B.  Dung dịch phenolphtalein

C.  CO2                                                       D.  Dung dịch NaOH

**Câu 16.** Có ba lọ không nhãn đựng : rượu etylic, axit axetic, dầu ăn tan trong rượu. Có thể phân biệt bằng cách nào sau đây ?

A. Dùng quỳ tím và nước. B. Khí cacbon đioxit và nước.

C. Kim loại natri và nước. D. Phenolphtalein và nước.

**Câu 17.**  Hòa tan hết 5,6 gam CaO vào dung dịch HCl 14,6% . Khối lượng dung dịch HCl đã dùng là :

          A. 50 gam                     B. 40 gam                      C. 60 gam                  D. 73 gam

**Câu 18.** Cho 2,24 lít CO2 (đktc) tác dụng với dung dịch Ba(OH)2 dư. Khối lượng chất kết tủa thu được là :

            A. 19,7 g                   B. 19,5 g                     C. 19,3 g                        D. 19 g

**Câu 19**.Nhúng cây đinh sắt có khối lượng 2 gam vào dung dịch đồng (II) sunfat, sau phản ứng lấy thanh sắt ra rửa sạch, sấy khô có khối lượng 2,4 gam, khối lượng sắt tham gia phản ứng là:

A. 2,8 g .                B. 28 g.                  C. 5,6 g.                 D. 56 g.

**Câu 20.** Đốt cháy 6,4 g metan, dẫn toàn bộ sản phẩm qua dd nước vôi trong dư. Khối lượng kết tủa thu được là

A. 20 g B. 40 g C. 80 g D. 10 g

**Câu 21:**Một oxit của photpho có thành phần phần trăm của P bằng 43,66%. Biết phân tử khối của oxit bằng 142đvC. Công thức hoá học của oxit là:

A. P2O3.                 B. P2O5.                  C. PO2.                D. P2O4.

**Câu 22.**  Cho 8 g hỗn hợp Fe và Mg tác dụng hoàn toàn với dung dịch HCl dư sinh ra 4,48 lít khí H2 (đktc). Thành phần phần trăm về khối lượng của Fe và Mg lần lượt là:

A. 70% và 30%                                    B. 60% và 40%.

C.50% và 50%.                                    D. 80% và 20%.

**Câu 23.**  Hoà tan hết 3,6 g một kim loại hoá trị II bằng dung dịch H2SO4 loãng được 3,36 lít H2 (đktc). Kim loại là:

A. Zn .                                    B. Mg.

C. Fe.                                      D. Ca.

**Câu 24.** Dẫn 2,8 lít (ở đktc) hỗn hợp khí metan và etilen đi qua bình đựng dung dịch brom dư thấy có 4 gam brom đã phản ứng. Thành phần phần trăm về thể tích các khí trong hỗn hợp lần lượt là

A. 50 % ; 50%. B. 40 % ; 60%

C. 30 % ; 70%. D. 80 % ; 20%.

**Câu 25.** Đốt cháy hoàn toàn 2,3 gam một hợp chất hữu cơ (A) thu được 2,24 lít khí cacbonic (đktc) và 2,7 gam hơi nước. Khối lượng mol của A là 46. Vậy công thức phân tử của (A) là

A. C3H8. B. C2H6O. C. C2H4 D. C2H4O2.